

Simon K9 K1 K1V K3 V8



## SWITCHES & SOCKETS

Catalogue Retail Vietnam 2025

**simon**  
Since 1916 From Spain

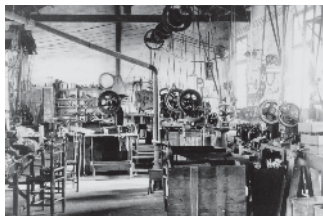
# SIMON: TỪ NĂM 1916 TẠI BARCELONA



Tại Olot - 1920



Ông Arthur Simon và gia đình -1990



Nhà máy ở Calle Pare Roca, Olot - 1925



Nhà máy đồ sứ tại Sant Andreu, Barcelona - 1943



Gian hàng của IEP tại Feria de Madrid - 1949

1916

Ông Arturo Simon khởi nghiệp công ty ở Olot

1925

Ông Arturo Simon mở rộng hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị điện

1942

Nhà máy sản xuất đồ sứ được mở

1957

Simon mua lại PME

1966

Simon mua lại IEP

1993

Ra mắt hệ thống điều khiển thông minh đầu tiên

1998

Simon bắt đầu quốc tế hóa

1999

Gia nhập thị trường Trung Quốc



1916

Bayonet  
bulb mount



1920-1930

851 "Extra"  
rotary switch



1956

Simon 24



1962

Simon 25



1973

Simon 36



1992

Simon 75



2013

Simon i7



Nhà máy Olot - 1975



Nhà máy Hayan, Trung Quốc - 1999



Sense - 2015



Simon Vox - 1998



Sân Vận Động Bắc Kinh, TQ - 2008



Nhà máy Simon Việt Nam - 2022

## 2006

Simon gia nhập thị trường Ấn Độ

## 2008

Simon được lựa chọn là nhà phân phối chính thức của Olympic tại Bắc Kinh

## 2015

Hệ thống cảm ứng mới ra đời

Hệ thống cảm ứng được đánh giá cao và nhận được một số giải thưởng quốc tế bởi nó kết hợp được 3 yếu tố vật lý, con người và môi trường một cách hài hòa

Những giải thưởng quốc tế

Trong đó bộ đèn The Slim and Cool trong bộ sưu tập Fluvia đạt 5 giải thưởng quốc tế:

- iF Awards for Fluvia Slim luminaires
- Red Dot Awards for the Slim and Cool Fluvia luminaires
- Delta Awards in the selection category for Slim and Cool
- Delta Awards for Detail 82
- iF Gold Awards for Sense

## 2016

Simon toàn cầu kỉ niệm 100 năm

## 2020

Simon chính thức có trụ sở và xây dựng nhà máy tại Việt Nam.



2016  
Simon E6



2020  
Simon i6



2021  
Simon K1



2021  
Simon K3



2022  
Simon S6



2025  
Simon K9



Thiết kế là cầu nối giữa

& THẨM MỸ  
TIỆN ÍCH



## SIMON DESIGNING AWARDS



X Awards 2014 Simon 82 Detail



reddot award 2017  
winner

Red Dot 2017 Simon 100



IF Gold Award 2018 Fluvia Loop



IF Design Award 2019 Simon 50E



reddot design award  
winner 2019



IF Design Award 2021



reddot winner 2021



IF Design Award 2022



reddot winner 2022



# DỰ ÁN SIMON



Marriott Auditorium Hotel, Madrid, Spain



HQ Mansion of DKV, Spain



National Stadium, Beijing, China



Torre Agbar, Barcelona, Spain



Grand Hyatt Bali, Indonesia



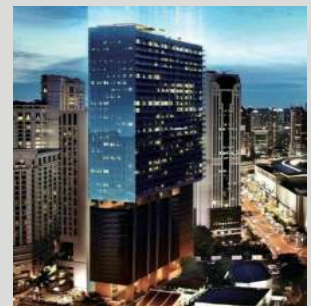
Kremlin, Moscow, Russia



MAL-Royal Chulan Hotel, Kuala Lumpur, Malaysia



Le Eminence Hotel, Puncak, Indonesia



MAL-Dorsett Residence, Malaysia



FLC, Sầm Sơn, Thanh Hóa, VN



Vinhomes Grand Park  
Phân khu The Origami, Việt Nam



Flamingo Đại Lải, Việt Nam



JW Marriott - Grand Marina Saigon,  
Việt Nam

## CÔNG TẮC Ổ CẮM



Series **K1** .14



Series **K3** .20



Series **K9** .10



Series **K1V** .19



Series **V8** .24

## THIẾT BỊ KHÁC



Tủ aptomat .30



Aptomat .31



Đế âm .32



Hộp chống thấm .32



Ổ cắm âm sàn .32



Quạt thông gió .34

### \* Ghi chú:

- Vui lòng liên hệ với Simon Việt Nam để biết thêm chi tiết về mã & màu sản phẩm.
- Tiêu chuẩn IEC.

### Remarks:

Please feel free to contact Simon Vietnam (local sales representatives) for product details.  
IEC Standard.

# Simon|K9



KIỆT TÁC GIAO HƯỞNG  
CHẠM NÉT TINH TẾ

# MÀU SẮC

Colours



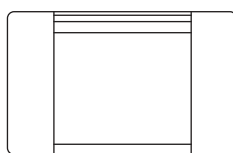
Màu Trắng  
White



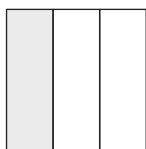
Màu Xám  
Grey

# MODULE LẮP GHÉP

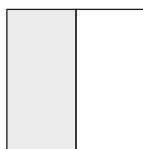
Dimension



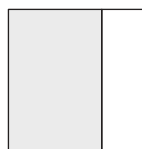
Khung



Size S  
C8 1/3



Size M  
C8 1/2



Size L  
C8 2/3



Size XL  
C8 1

## SERIES K9 - FULL SET



**BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU SIZE XL**  
1 Gang XL 1 Way Switch

591011 ☐ **102.000**  
591011 ☒ -52 **129.000**



**BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE XL**  
1 Gang XL 2 Way Switch

591012 ☐ **122.000**  
591012 ☒ -52 **149.000**



**BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU SIZE M**  
2 Gang M 1 Way Switch

591021 ☐ **149.000**  
591021 ☒ -52 **183.000**



**BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU SIZE M**  
2 Gang M 2 Way Switch

591022 ☐ **188.000**  
591022 ☒ -52 **222.000**



**BỘ CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU SIZE S**  
3 Gang S 1 Way Switch

591031 ☐ **175.000**  
591031 ☒ -52 **215.000**



**BỘ CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU SIZE S**  
3 Gang S 2 Way Switch

591032 ☐ **234.000**  
591032 ☒ -52 **274.000**



**BỘ CÔNG TẮC 20A CÓ ĐÈN**  
+ 2 CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S  
20A Switch With Indicator & Two Gang S 1 Way Switch

592023 ☐ **381.000**  
592023 ☒ -52 **420.000**



**BỘ 2 CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S + HẠT ĐÈN**  
Two Gang S 2 Way Switch & Indicator Module

591033 ☐ **278.000**  
591033 ☒ -52 **318.000**



**BỘ 2 Ổ ĐƠN 2 CHẤU**  
+ CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S  
Two 2 Pin Sockets & 1 Way Switch (S)

594101 ☐ **206.000**  
594101 ☒ -52 **245.000**



**BỘ 2 Ổ ĐƠN 2 CHẤU**  
+ CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S  
Two 2 Pin Sockets & 2 Way Switch (S)

594102 ☐ **226.000**  
594102 ☒ -52 **265.000**



**BỘ Ổ ĐƠN 2 CHẤU**  
+ 2 CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE S  
2 Pin Sockets & Two 2 Way Switches (S)

594100 ☐ **230.000**  
594100 ☒ -52 **270.000**



**BỘ BA Ổ CẮM 2 CHẤU**  
Three 2 Pin Sockets

594103 ☐ **221.000**  
594103 ☒ -52 **261.000**



**BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU THƯỜNG**  
Twin EU-US With Earth Socket

594201 ☐ **221.000**  
594201 ☒ -52 **248.000**



**BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ĐA NĂNG**  
Twin EU-US Socket - Outlet

594202 ☐ **270.000**  
594202 ☒ -52 **296.000**



**BỘ Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE L**  
+ CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S  
Multi - Standard Socket (L) & 1 Way Socket

594081 ☐ **180.000**  
594081 ☒ -52 **215.000**

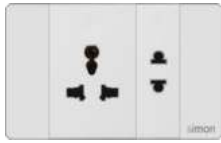


**BỘ Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE L**  
+ CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S  
Multi - Standard Socket (L) & 2 Way Socket (S)

594082 ☐ **200.000**  
594082 ☒ -52 **234.000**



## SERIES K9 - FULL SET



BỘ 2 Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG  
+ Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU  
Multi - Standard Socket (L) & 2 Pin Socket

|        |                                         |         |
|--------|-----------------------------------------|---------|
| 594080 | <input type="checkbox"/>                | 196.000 |
| 594080 | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 230.000 |



BỘ Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU + Ổ CẮM TV  
+ MẠNG CAT6  
2 Pin Socket & TV Outlet & Data Outlet CAT6

|        |                                         |         |
|--------|-----------------------------------------|---------|
| 595302 | <input type="checkbox"/>                | 530.000 |
| 595302 | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 570.000 |



BỘ Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU+CHIẾT ÁP QUẠT  
Fan Regulator Switch & 2 Pin Socket

|        |                                         |         |
|--------|-----------------------------------------|---------|
| 59E201 | <input type="checkbox"/>                | 613.000 |
| 59E201 | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 647.000 |



BỘ CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA  
Doorbell Switch

|        |                                         |         |
|--------|-----------------------------------------|---------|
| 591301 | <input type="checkbox"/>                | 130.000 |
| 591301 | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 156.000 |

## SERIES K9 - MODULE



THIẾT KẾ ĐA DẠNG - TRẢI NGHIỆM ĐA CHIỀU



KHUNG VIỀN K9  
Frame K6

|        |                                         |        |
|--------|-----------------------------------------|--------|
| K9003N | <input type="checkbox"/>                | 36.000 |
| K9003N | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 53.000 |



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE XL  
1 Way Switch Module (XL)

|         |                                         |        |
|---------|-----------------------------------------|--------|
| K9103XL | <input type="checkbox"/>                | 66.000 |
| K9103XL | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 76.000 |



HẠT CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE XL  
2 Way Switch Module (XL)

|         |                                         |        |
|---------|-----------------------------------------|--------|
| K9203XL | <input type="checkbox"/>                | 86.000 |
| K9203XL | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 96.000 |



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE M  
1 Way Switch Module (M)

|        |                                         |        |
|--------|-----------------------------------------|--------|
| K9103M | <input type="checkbox"/>                | 56.000 |
| K9103M | <input checked="" type="checkbox"/> -52 | 65.000 |

## SERIES K9 - MODULE



**HẠT CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE M**  
2 Way Switch Module (M)

|        |                                     |        |
|--------|-------------------------------------|--------|
| K9203M | <input type="checkbox"/>            | 76.000 |
| K9203M | <input checked="" type="checkbox"/> | 85.000 |



**HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU SIZE S**  
1 Way Switch Module (S)

|        |                                     |        |
|--------|-------------------------------------|--------|
| K9103S | <input type="checkbox"/>            | 46.000 |
| K9103S | <input checked="" type="checkbox"/> | 54.000 |



**HẠT CÔNG TẮC 2 CHIỀU SIZE S**  
2 Way Switch Module (S)

|        |                                     |        |
|--------|-------------------------------------|--------|
| K9203S | <input type="checkbox"/>            | 66.000 |
| K9203S | <input checked="" type="checkbox"/> | 74.000 |



**HẠT CÔNG TẮC 20A CÓ LED SIZE S**  
20A Double Pole Switch Module (S)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9104S | <input type="checkbox"/>            | 252.000 |
| K9104S | <input checked="" type="checkbox"/> | 260.000 |



**NÚT CHE TRƠN SIZE S**  
Blank Plate (S)

|        |                                     |        |
|--------|-------------------------------------|--------|
| K9500S | <input type="checkbox"/>            | 20.000 |
| K9500S | <input checked="" type="checkbox"/> | 28.000 |



**CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA SIZE XL**  
Doorbell Switch Module (XL)

|         |                                     |         |
|---------|-------------------------------------|---------|
| K9505XL | <input type="checkbox"/>            | 94.000  |
| K9505XL | <input checked="" type="checkbox"/> | 103.000 |



**Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU SIZE S**  
2 Pin Socket-Outlet Module (S)

|        |                                     |        |
|--------|-------------------------------------|--------|
| K9412S | <input type="checkbox"/>            | 62.000 |
| K9412S | <input checked="" type="checkbox"/> | 69.000 |



**Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU THƯỜNG SIZE XL**  
Single EU - US With Earth Socket (XL)

|         |                                     |         |
|---------|-------------------------------------|---------|
| K9424XL | <input type="checkbox"/>            | 185.000 |
| K9424XL | <input checked="" type="checkbox"/> | 195.000 |



**Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE L**  
Multi-Standard Socket-Outlet Module (L)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9413L | <input type="checkbox"/>            | 98.000  |
| K9413L | <input checked="" type="checkbox"/> | 108.000 |



**Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE XL**  
Multi-Standard Socket-Outlet Module (XL)

|         |                                     |         |
|---------|-------------------------------------|---------|
| K9423XL | <input type="checkbox"/>            | 233.000 |
| K9423XL | <input checked="" type="checkbox"/> | 243.000 |



**HẠT TV SIZE S**  
TV Outlet Module (S)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9501S | <input type="checkbox"/>            | 125.000 |
| K9501S | <input checked="" type="checkbox"/> | 133.000 |



**HẠT MẠNG CAT6 SIZE S**  
Data Outlet Cat6 Module (S)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9506S | <input type="checkbox"/>            | 307.000 |
| K9506S | <input checked="" type="checkbox"/> | 315.000 |



**HẠT ĐIỆN THOẠI SIZE S**  
Telephone Outlet Module (S)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9502S | <input type="checkbox"/>            | 128.000 |
| K9502S | <input checked="" type="checkbox"/> | 135.000 |



**HẠT ĐÈN SIZE S**  
Twin EU-US Socket-Outlet

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9503S | <input type="checkbox"/>            | 110.000 |
| K9503S | <input checked="" type="checkbox"/> | 118.000 |



**HẠT CHIẾT ÁP ĐÈN SIZE L**  
Dimmer Module (L)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9509L | <input type="checkbox"/>            | 589.000 |
| K9509L | <input checked="" type="checkbox"/> | 598.000 |



**HẠT CHIẾT ÁP QUẠT SIZE L**  
Fan Regulator Module (L)

|        |                                     |         |
|--------|-------------------------------------|---------|
| K9508L | <input type="checkbox"/>            | 515.000 |
| K9508L | <input checked="" type="checkbox"/> | 525.000 |



# Simon | K1 - K1V



VỀ ĐẸP  
Á ĐÔNG

# MÀU SẮC

Colours



Màu Trắng  
White



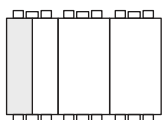
Màu Champagne  
Champagne



Màu Xám  
Grey

# MODULE LẮP GHÉP

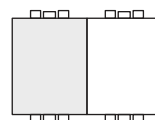
Dimension



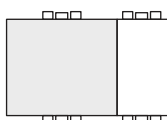
Size XS  
Cỗ 1/6



Size S  
Cỗ 1/3



Size M  
Cỗ 1/2



Size L  
Cỗ 2/3



Size XL  
Cỗ 1

## CÔNG TẮC Switches



HẠT CÔNG TẮC KÉP 1 CHIỀU SIZE S 16A  
Double switches 1 way (S)

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| K110S |  | 91.000  |
| K110S |  | 103.000 |



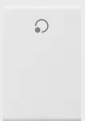
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
CỔ ĐÈN LED SIZE S 16A (Order)  
1 Way Switch Module with LED (S)

|       |  |        |
|-------|--|--------|
| K111S |  | 83.000 |
| K111S |  | 95.000 |



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
CỔ NÚT ĐÈN TRANG TRÍ SIZE S 16A  
1 Way Switch Module (S)

|       |  |        |
|-------|--|--------|
| K112S |  | 33.000 |
| K112S |  | 43.000 |



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE S 16A  
1 Way Switch Module (S)

|       |  |        |
|-------|--|--------|
| K113S |  | 30.000 |
| K113S |  | 42.000 |



HẠT CÔNG TẮC 20A  
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN VÀ CHỮ SIZE S 20A  
20A Double Pole Switch Module (S)

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| K114S |  | 189.000 |
| K114S |  | 201.000 |



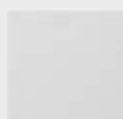
HẠT CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE S 16A  
2 Way Switch Module (S)

|       |  |        |
|-------|--|--------|
| K120S |  | 55.000 |
| K120S |  | 67.000 |



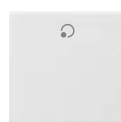
NÚT CHE TRƠN SIZE S  
Blank Plate (S)

|       |  |        |
|-------|--|--------|
| K150S |  | 17.000 |
| K150S |  | 29.000 |



HẠT CÔNG TẮC TRUNG GIAN SIZE M 16A  
Intermediate Switch Module (M)

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| K131M |  | 163.000 |
| K131M |  | 177.000 |



HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE M 16A  
1 Way Switch Module (M)

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| K111M |  | 109.000 |
| K111M |  | 123.000 |



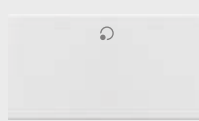
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
CỔ ĐÈN LED SIZE XL 16A (Order)  
1 Way Switch Module with LED (XL)

|        |  |         |
|--------|--|---------|
| K111XL |  | 91.000  |
| K111XL |  | 111.000 |



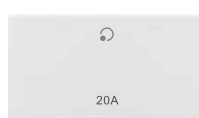
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
CỔ NÚT ĐÈN TRANG TRÍ SIZE XL 16A  
1 Way Switch Module (XL)

|        |  |        |
|--------|--|--------|
| K112XL |  | 45.000 |
| K112XL |  | 61.000 |



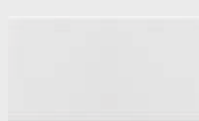
HẠT CÔNG TẮC 1 CHIỀU  
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN SIZE XL 16A  
1 Way Switch Module (XL)

|        |  |        |
|--------|--|--------|
| K113XL |  | 42.000 |
| K113XL |  | 59.000 |



HẠT CÔNG TẮC 20A  
IN BIỂU TƯỢNG ĐÈN VÀ CHỮ SIZE XL 20A  
20A Double Pole Switch Module (XL)

|        |  |         |
|--------|--|---------|
| K114XL |  | 200.000 |
| K114XL |  | 220.000 |



HẠT CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU SIZE XL 16A  
2 Way Switch Module (XL)

|        |  |        |
|--------|--|--------|
| K120XL |  | 65.000 |
| K120XL |  | 85.000 |



NÚT CHE TRƠN SIZE XS  
Blank Plate (XS)

|        |  |        |
|--------|--|--------|
| K150XS |  | 18.000 |
| K150XS |  | 30.000 |

## Ổ CẮM

## Socket-outlets



**Ổ CẮM ĐƠN 2 CHẤU SIZE S 16A**  
2 Pin Socket-Outlet Module (S)

|        |                                                                      |        |
|--------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1412S | <input type="checkbox"/>                                             | 50.000 |
| K1412S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 62.000 |



**Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE M 10A**  
Multi-Standard Socket-Outlet Module (M)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1413M | <input type="checkbox"/>                                             | 98.000  |
| K1413M | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 112.000 |



**Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU ĐA NĂNG SIZE XL 16A**  
Twin EU-US Socket-Outlet

|         |                                                                      |         |
|---------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1423XL | <input type="checkbox"/>                                             | 153.000 |
| K1423XL | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 173.000 |



**Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU SIZE XL 16A**  
Twin EU-US Socket-Outlet

|         |                                                                      |         |
|---------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1424XL | <input type="checkbox"/>                                             | 143.000 |
| K1424XL | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 163.000 |

## HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI &amp; ĐIỀU KHIỂN

## TV, Data, Tel, Control and Regulator



**HẠT ĐÈN SIZE S MÀU XANH 1W**  
LED Indicator - Green Color Module (S)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1531S | <input type="checkbox"/>                                             | 98.000  |
| K1531S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 110.000 |



**HẠT ĐÈN SIZE S MÀU ĐỎ 1W**  
LED Indicator - Red Color Module (S)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1532S | <input type="checkbox"/>                                             | 98.000  |
| K1532S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 110.000 |



**HẠT ĐIỆN THOẠI SIZE S**  
Telephone Outlet Module (S)

|       |                                                                      |         |
|-------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K154S | <input type="checkbox"/>                                             | 112.000 |
| K154S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 124.000 |



**HẠT TIVI SIZE S**  
TV Outlet Module (S)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1551S | <input type="checkbox"/>                                             | 112.000 |
| K1551S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 124.000 |



**HẠT MẠNG CAT 6 SIZE S**  
Data Outlet Cat6 Module (S)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1586S | <input type="checkbox"/>                                             | 270.000 |
| K1586S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 282.000 |



**HẠT USB SIZE M 5V-2.4A**  
Twin USB Charger Module (M)

|       |                                                                      |         |
|-------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K157S | <input type="checkbox"/>                                             | 901.000 |
| K157S | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 915.000 |



**HẠT CHIẾT ÁP ĐÈN SIZE L 1.8A-400W**  
Dimmer Module (L)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1591L | <input type="checkbox"/>                                             | 402.000 |
| K1591L | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 419.000 |



**HẠT CHIẾT ÁP QUẠT SIZE L 0.85A-200W**  
Fan Regulator Module (L)

|        |                                                                      |         |
|--------|----------------------------------------------------------------------|---------|
| K1592L | <input type="checkbox"/>                                             | 439.000 |
| K1592L | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 457.000 |



**CÔNG TẮC THẺ TỪ 16A (ĐÈN SỢI ĐỐT),  
10A (ĐÈN LED), 6A (ĐỘNG CƠ)**  
Keycard Switch Module

|       |                          |         |
|-------|--------------------------|---------|
| K1601 | <input type="checkbox"/> | 795.000 |
|-------|--------------------------|---------|

MÀU SẮC

Trắng

Champagne -46

Xám -61

## MẶT VIỀN K1 Frames K1



### MẶT 1 LỖ SIZE S LẮP NGANG

1 Gang Plate (S)

K1001N ☐ 28.000

K1001N ☒ -46 ☐ -61 65.000



### MẶT 2 LỖ SIZE S LẮP NGANG

2 Gangs Plate (S)

K1002N ☐ 28.000

K1002N ☒ -46 ☐ -61 65.000



### MẶT 3 LỖ SIZE S LẮP NGANG

3 Gangs Plate (S)

K1003N ☐ 28.000

K1003N ☒ -46 ☐ -61 65.000



### MẶT 6 LỖ SIZE S LẮP DỌC

6 Gangs Plate (S)

K1006D ☐ 48.000

K1006D ☒ -46 ☐ -61 91.000



### MẶT APTOMAT TẾP ĐƠN LẮP DỌC

Blank Plate For Single Circuit Breaker

K1061D ☐ 30.000

K1061D ☒ -46 ☐ -61 67.000



### MẶT APTOMAT TẾP ĐÔI LẮP DỌC

Blank Plate For Double Circuit Breaker

K1062D ☐ 30.000

K1062D ☒ -46 ☐ -61 67.000



### MẶT APTOMAT KHỎI LẮP DỌC

Blank Plate For MCCB

K1063D ☐ 31.000

K1063D ☒ -46 ☐ -61 68.000

## MẶT VIỀN K1V Frames K1V



### MẶT 1 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN

1 Gang Plate (S)

|       |                                                                      |        |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1901 | <input type="checkbox"/>                                             | 29.000 |
| K1901 | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 66.000 |



### MẶT 2 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN

2 Gangs Plate (S)

|       |                                                                      |        |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1902 | <input type="checkbox"/>                                             | 29.000 |
| K1902 | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 66.000 |



### MẶT 3 LỖ SIZE S LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN

3 Gangs Plate (S)

|       |                                                                      |        |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1903 | <input type="checkbox"/>                                             | 29.000 |
| K1903 | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 66.000 |



### MẶT 6 LỖ SIZE S LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN

6 Gangs Plate (S)

|       |                                                                      |        |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1906 | <input type="checkbox"/>                                             | 52.000 |
| K1906 | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 95.000 |



### MẶT 1 LỖ SIZE M LẮP NGANG CÓ GÂN VIỀN

1 Gang Plate (M)

|        |                                                                      |        |
|--------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1911N | <input type="checkbox"/>                                             | 29.000 |
| K1911N | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 66.000 |



### MẶT APATOMAT TẾP ĐƠN LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN

Blank Plate For Single Circuit Breaker

|       |                                                                      |        |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1961 | <input type="checkbox"/>                                             | 32.000 |
| K1961 | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 69.000 |



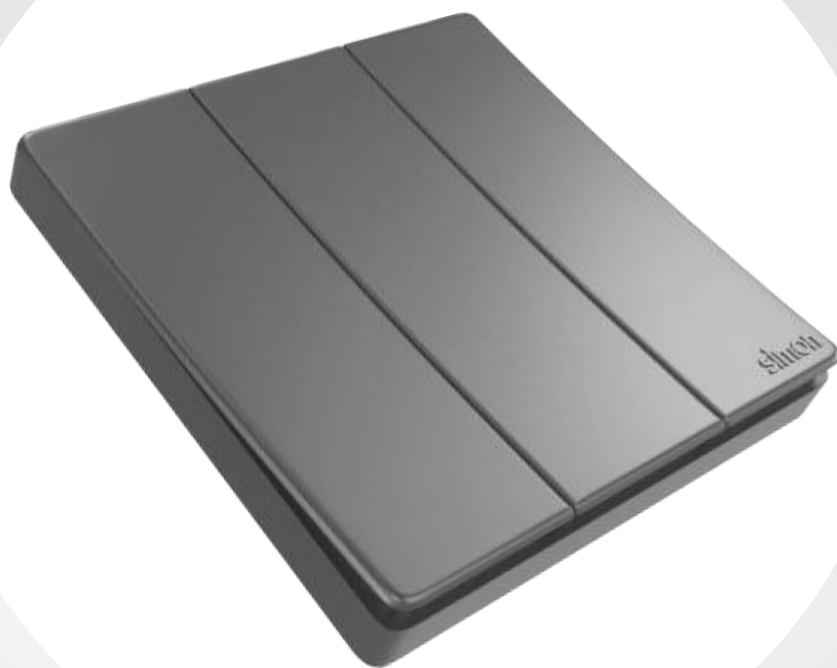
### MẶT APATOMAT KHỎI LẮP DỌC CÓ GÂN VIỀN

Blank Plate For MCCB

|       |                                                                      |        |
|-------|----------------------------------------------------------------------|--------|
| K1963 | <input type="checkbox"/>                                             | 33.000 |
| K1963 | <input checked="" type="checkbox"/> -46 <input type="checkbox"/> -61 | 70.000 |



# Simon|K3



**UYỂN CHUYỂN**  
TRONG TỪNG ĐƯỜNG NÉT

# MÀU SẮC

Colours



Màu Trắng  
White



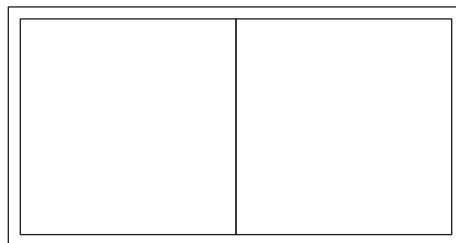
Màu Champagne  
Champagne



Màu Xám  
Grey

# ĐA DẠNG KHUNG VIỀN

A Variety Of Border Frames



Khung đôi  
2 Gang frame

MÀU SẮC

Trắng

Champagne -46

Xám -61

## CÔNG TẮC Switches



## BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 1 CHIỀU 16A

1 Gang 1 Way Switch

571011  98.000571011  -46  -61 143.000

## BỘ CÔNG TẮC ĐƠN 2 CHIỀU 16A

1 Gang 2 Way Switch

571012  120.000571012  -46  -61 165.000

## BỘ CÔNG TẮC 1 CHIỀU 20A

20A Double Pole Switch

572023  406.000572023  -46  -61 451.000

## BỘ CÔNG TẮC ĐƠN TRUNG GIAN

1 Gang Intermediate Switch

571026  197.000571026  -46  -61 242.000

## BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 1 CHIỀU 16A

2 Gang 1 Way Switch

571021  149.000571021  -46  -61 194.000

## BỘ CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU 16A

2 Gang 2 Way Switch

571022  186.000571022  -46  -61 231.000

## BỘ CÔNG TẮC BA 1 CHIỀU 16A

3 Gang 1 Way Switch

571031  197.000571031  -46  -61 242.000

## BỘ CÔNG TẮC BA 2 CHIỀU 16A

3 Gang 2 Way Switch

571032  241.000571032  -46  -61 286.000

## BỘ CÔNG TẮC BỐN 1 CHIỀU 10A

4 Gang 1 Way Switch

571041  252.000571041  -46  -61 297.000

## BỘ CÔNG TẮC BỐN 2 CHIỀU 10A

4 Gang 2 Way Switch

571042  317.000571042  -46  -61 362.000

## BỘ CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA

Doorbell Switch

576301  127.000576301  -46  -61 172.000

## Ổ CẮM

## Socket-outlets



**BỘ Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU 16A**  
Twin 2 Pole Socket

571072 ☐ 174.000  
571072 ☒ -46 ☐ -61 219.000



**BỘ Ổ CẮM 2 CHẤU + 3 CHẤU ĐA NĂNG + CÔNG TẮC (16A/10A)**  
2 Pin Socket & Multi-Standard Socket & Switch

571080 ☐ 230.000  
571080 ☒ -46 ☐ -61 275.000



**BỘ Ổ CẮM ĐÔI 3 CHẤU 16A**  
Twin EU- US With Earth Socket

571287 ☐ 262.000  
571287 ☒ -46 ☐ -61 307.000



**BỘ Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A**  
Single EU- US With Earth Socket

571087 ☐ 211.000  
571087 ☒ -46 ☐ -61 256.000

## HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI &amp; ĐIỀU KHIỂN

## TV, Data, Tel, Control and Regulator



**BỘ Ổ CẮM TIVI ĐƠN**  
Tivi Outlet

575111 ☐ 169.000  
575111 ☒ -46 ☐ -61 215.000



**BỘ Ổ CẮM TIVI ĐƠN CHUẨN F**  
TV Outlet With F Connector

575114 ☐ 186.000  
575114 ☒ -46 ☐ -61 231.000



**BỘ Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐƠN**  
Telephone Outlet

575214 ☐ 141.000  
575214 ☒ -46 ☐ -61 186.000



**BỘ Ổ CẮM MẠNG ĐƠN CAT6**  
Data Outlet Cat6

575218 ☐ 219.000  
575218 ☒ -46 ☐ -61 264.000



**BỘ Ổ CẮM MẠNG ĐÔI CAT6**  
Twin Data Outlet Cat6

575228 ☐ 248.000  
575228 ☒ -46 ☐ -61 293.000



**BỘ Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI + MẠNG CAT6**  
Telephone and Data Outlet Cat6

575229 ☐ 307.000  
575229 ☒ -46 ☐ -61 352.000



**BỘ Ổ CẮM TIVI + MẠNG CAT6**  
Tivi & Data Outlet (Cat6)

575302 ☐ 307.000  
575302 ☒ -46 ☐ -61 352.000



**BỘ CHIẾT ÁP ĐÈN 0.85A-200W**  
Dimmer Switch

57E101 ☐ 571.000  
57E101 ☒ -46 ☐ -61 616.000



**BỘ CHIẾT ÁP QUẠT 0.85A-200W**  
Fan Regulator Switch

57E201 ☐ 538.000  
57E201 ☒ -46 ☐ -61 583.000



**KHUNG VIÊN ĐÔI**  
2 Gang Frame (86mm x172mm)

570620 ☐ 43.000  
570620 ☒ -46 ☐ -61 78.000

# Simon|V8



SANG TRỌNG  
TINH TẾ

# MẶT HẠT NHIỀU MÀU SẮC

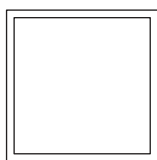
## Colours



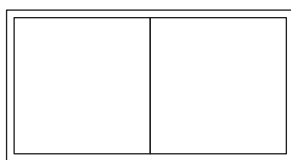
Màu Trắng/ Màu Xám/ Màu Champagne/ Màu Đá  
White/ Grey/ Champagne/ Stone

# ĐA DẠNG KHUNG VIỀN

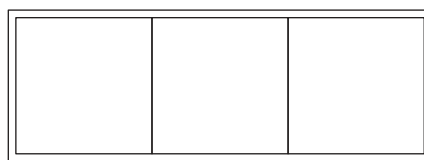
## A Variety Of Border Frames



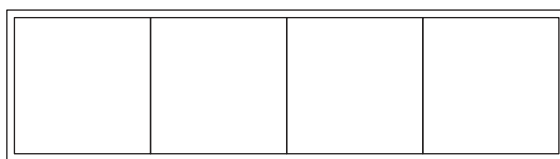
Khung đơn  
1 Gang frame



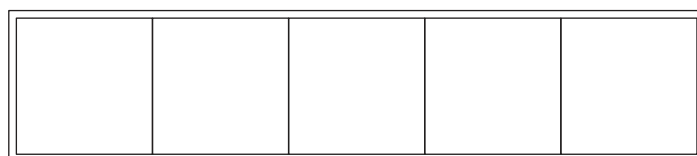
Khung đôi  
2 Gang frame



Khung ba  
3 Gang frame



Khung bốn  
4 Gang frame



Khung năm  
5 Gang frame

## CÔNG TẮC Switches

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 1 CHIỀU**  
1 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80101 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>161.000</b> |
| 80101 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>203.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 1 CHIỀU**  
**CÓ ĐÈN LED**

1 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80104 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>237.000</b> |
| 80104 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>279.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN 16A 2 CHIỀU**  
1 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80201 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>183.000</b> |
| 80201 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>225.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC TRUNG GIAN**  
1 Gang Intermediate Switch Module (16AX 250V)

|        |                                                                                 |                |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80397H | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>282.000</b> |
| 80397H | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>324.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN**  
**20A 2 CỰC, 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ**  
20A 2 Pole 1 Way Switch with Red LED Module (20AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80203 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>562.000</b> |
| 80203 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>605.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN**  
**20A 2 CỰC, 2 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ**  
20A 2 Pole 2 Way Switch with Red LED Module (20AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80204 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>580.000</b> |
| 80204 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>622.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN**  
**32A 2 CỰC, 1 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ**  
32A 2 Pole 1 Way Switch with Red LED Module (32AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80323 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>573.000</b> |
| 80323 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>616.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐƠN**  
**32A 2 CỰC, 2 CHIỀU CÓ ĐÈN LED ĐỎ**  
32A 2 Pole 2 Way Switch with Red LED Module (32AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80324 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>594.000</b> |
| 80324 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>637.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 1 CHIỀU**  
**CÓ ĐÈN LED**  
2 Gang 1 Way Switch Module with LED Indicator (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80396 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>349.000</b> |
| 80396 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>391.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 2 CHIỀU**  
2 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80397 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>249.000</b> |
| 80397 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>291.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 16A 1 CHIỀU**  
2 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80398 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>235.000</b> |
| 80398 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>278.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC BA 16A 1 CHIỀU**  
**CÓ ĐÈN LED**  
3 Gang 1 Way Switch Module with LED (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80370 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>475.000</b> |
| 80370 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>518.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC BA 16A 1 CHIỀU**  
3 Gang 1 Way Switch Module (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80371 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>292.000</b> |
| 80371 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>334.000</b> |

**MODULE CÔNG TẮC BA 16A 2 CHIỀU**  
3 Gang 2 Way Switch Module (16AX 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80372 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>325.000</b> |
| 80372 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>367.000</b> |

**MODULE NÚT CHE TRƠN**  
Blank Plate Module

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80800 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>127.000</b> |
| 80800 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>169.000</b> |

**MODULE NÚT NHẤN CHUÔNG CỬA**  
Doorbell Switch Module (16A 250V)

|       |                                                                                 |                |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 80150 | <input type="checkbox"/>                                                        | <b>165.000</b> |
| 80150 | <input checked="" type="checkbox"/> -56 <input checked="" type="checkbox"/> -26 | <b>208.000</b> |



## CÔNG TẮC Switches



### MODULE NÚT NHẤN ĐƠN

1 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80101F ☐ 177.000

80101F ☒ -56 ☒ -26 220.000



### MODULE NÚT NHẤN ĐƠN CÓ ĐÈN LED

1 Gang Push-Button With LED Indicator Module (16A 250V)

80104F ☐ 245.000

80104F ☒ -56 ☒ -26 288.000



### MODULE NÚT NHẤN ĐÔI

2 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80398F ☐ 222.000

80398F ☒ -56 ☒ -26 265.000



### MODULE NÚT NHẤN ĐÔI CÓ ĐÈN LED

2 Gang Push-Button Switch Module with LED (16A 250V)

80396F ☐ 340.000

80396F ☒ -56 ☒ -26 383.000



### MODULE NÚT NHẤN BA

3 Gang Push-Button Switch Module (16A 250V)

80371F ☐ 305.000

80371F ☒ -56 ☒ -26 347.000



### MODULE NÚT NHẤN BA CÓ ĐÈN LED

3 Gang Push-Button Switch Module with LED (16A 250V)

80370F ☐ 472.000

80370F ☒ -56 ☒ -26 515.000

## Ổ CẮM Socket-outlets



### MODULE Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG

Multi-standard Socket Module (13A 250V)

80430 ☐ 221.000

80430 ☒ -56 ☒ -26 264.000



### MODULE Ổ CẮM ĐA NĂNG + 2 CỔNG USB

Multi-standard Socket Module with Double USB Chargers (13A 250V)

80E725 ☐ 1.723.000

80E725 ☒ -56 ☒ -26 1.765.000



### MODULE Ổ CẮM ĐÔI 2 CHẤU

Twin 2 Pin Socket Module (10A 250V)

80456 ☐ 229.000

80456 ☒ -56 ☒ -26 272.000



### MODULE Ổ CẮM ĐƠN 3 CHẤU 16A

Single EU-US Socket with Earth Socket Module (16A 250V)

80487 ☐ 231.000

80487 ☒ -56 ☒ -26 274.000



### MODULE Ổ CẮM SCHUKO

Schuko Socket Module (16A 250V)

80687 ☐ 340.000

80687 ☒ -56 ☒ -26 383.000



### MODULE Ổ CẮM ĐA TIÊU CHUẨN

VỚI BỘ SẠC USB A+C

Multi-standard Socket Module with USB A+C Chargers

80E7252 ☐ 1.791.000

80E7252 ☒ -56 ☒ -26 1.834.000

## HẠT TIVI, MẠNG, THOẠI &amp; ĐIỀU KHIỂN

## TV, Data, Tel, Control and Regulator



## MODULE Ổ CẮM TIVI ĐƠN

Tivi Outlet Module

80476 ☐ 213.00080476 ☒ -56 ☒ -26 256.000

## MODULE Ổ CẮM TIVI ĐÔI

Twin Tivi Outlet Module

80478 ☐ 286.00080478 ☒ -56 ☒ -26 329.000

## MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐƠN (RJ11)

Telephone Outlet Module (RJ11)

80480 ☐ 210.00080480 ☒ -56 ☒ -26 253.000

## MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI ĐÔI

Twin Telephone Outlet Module (RJ11)

80488 ☐ 276.00080488 ☒ -56 ☒ -26 306.000

## MODULE Ổ CẮM TIVI &amp; ĐIỆN THOẠI (RJ11)

Tivi and Telephone Outlet Module (RJ11)

80491 ☐ 276.00080491 ☒ -56 ☒ -26 319.000

## MODULE Ổ CẮM TIVI &amp; MẠNG (CAT6)

Tivi and Data (RJ45) Outlet Module (Cat6)

80492 ☐ 475.00080492 ☒ -56 ☒ -26 495.000

## MODULE Ổ CẮM MẠNG (CAT6)

Data Outlet Module (Cat6)

80591 ☐ 347.00080591 ☒ -56 ☒ -26 373.000

## MODULE Ổ CẮM MẠNG ĐÔI (CAT6)

Twin Data Outlet Module (Cat6)

80593 ☐ 479.00080593 ☒ -56 ☒ -26 498.000

## MODULE Ổ CẮM ĐIỆN THOẠI &amp; MẠNG (CAT6)

Telephone (RJ11) &amp; Data (RJ45) Outlet Module (Cat6)

80599 ☐ 444.00080599 ☒ -56 ☒ -26 467.000

## MODULE CỔNG USB &amp; HDMI

USB-HDMI Outlet Module

80494 ☐ 697.00080494 ☒ -56 ☒ -26 740.000

## MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI TAI NGHE 3.5+VGA

VGA-3.5 Earphone Outlet Module

80495 ☐ 664.00080495 ☒ -56 ☒ -26 675.000

## MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI ÂM THANH ĐƠN

Speaker Socket Module

80800Y1 ☐ 272.00080800Y1 ☒ -56 ☒ -26 314.000

## MODULE Ổ CẮM KẾT NỐI ÂM THANH ĐÔI

Twin Speaker Socket Module

80800Y2 ☐ 410.00080800Y2 ☒ -56 ☒ -26 453.000

## MODULE CHIẾT ÁP ĐÈN 0.85A-200W

Dimmer Switch Module

80313 ☐ 708.00080313 ☒ -56 ☒ -26 751.000

## MODULE CHIẾT ÁP QUẠT

Fan regulator Switch Module

80317 ☐ 711.00080317 ☒ -56 ☒ -26 753.000

## GIẢI PHÁP KHÁCH SẠN Hotel solutions



**MODULE CHUÔNG CỬA CÓ ĐÈN BÁO**  
**“KHÔNG LÀM PHẪN” & “DỌN PHÒNG”**  
 Doorbell Switch Module “Do Not Disturb” & “Make Up Room” Indicator

80805 ☐ **1.135.000**  
 80805 ☒ -56 ☒ -26 **1.178.000**



**MODULE CÔNG TẮC KHẨN CẤP**  
 Emergency Switch Module

80809 ☐ **299.000**  
 80809 ☒ -56 ☒ -26 **328.000**



**MODULE CÔNG TẮC THẺ**  
 Keycard Switch Module

80526 ☐ **1.062.000**  
 80526 ☒ -56 ☒ -26 **1.104.000**



**MODULE CÔNG TẮC CHUÔNG CỬA V8 ELV**  
**(DC12V, 5 DÂY) (DND, MUR)**  
 V8 ELV doorbell switch Module(DC12V, 5-wire)(DND,MUR)

808051 ☐ **751.000**  
 808051 ☒ -56 ☒ -26 **758.000**



**MODULE CÔNG TẮC ĐÔI 2 CHIỀU HIỂN THỊ**  
**“KHÔNG LÀM PHẪN” & “DỌN PHÒNG”**  
 2 Gang 2 Way Switch Module “Do Not Disturb” & “Make Up Room”

D80397 ☐ **275.000**  
 D80397 ☒ -56 ☒ -26 **318.000**



## VIÊN MẶT KÍNH Nature Frame (Crystal)



Crystal



Water



Black



Stone



Orange

### VIÊN ĐƠN / ĐƠN / ĐÔI

1 Frame size M: 86 x 86 mm / 1 Frame size L: 102 x 95 mm / 2 Frame: 90 x 178 mm

|       |     |     |     |     |     |           |           |
|-------|-----|-----|-----|-----|-----|-----------|-----------|
| 80611 | -30 | -31 | -63 | -64 | -69 | (M)       | 648.000   |
| 80610 | -30 | -31 | -63 | -64 | -69 | (L)       | 652.000   |
| 80620 | -30 | -31 | -63 | -64 | -69 | (76 Type) | 1.123.000 |

### VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90 x 254 mm / 4 Frame: 90 x 330 mm / 5 Frame: 90 x 406 mm

|       |     |     |     |     |     |           |
|-------|-----|-----|-----|-----|-----|-----------|
| 80630 | -30 | -31 | -63 | -64 | -69 | 1.596.000 |
| 80640 | -30 | -31 | -63 | -64 | -69 | 2.113.000 |
| 80650 | -30 | -31 | -63 | -64 | -69 | 2.607.000 |

## VIÊN MẶT KIM LOẠI Classic Frame (Metal)



Silver



Gold

### VIÊN ĐÔI / BA / BỐN / NĂM (76 Type)

2 Frame: 86 x 162 / 3 Frame: 86 x 238 / 4 Frame: 90 x 314 / 5 Frame: 90 x 390 mm

|       |     |           |
|-------|-----|-----------|
| 80821 | -42 | 573.000   |
| 80831 | -42 | 816.000   |
| 80841 | -42 | 1.034.000 |
| 80851 | -42 | 1.236.000 |

### VIÊN ĐÔI / BA / BỐN / NĂM (76 Type)

2 Frame: 86 x 162 / 3 Frame: 86 x 238 / 4 Frame: 90 x 314 / 5 Frame: 90 x 390 mm

|       |     |           |
|-------|-----|-----------|
| 80821 | -48 | 606.000   |
| 80831 | -48 | 860.000   |
| 80841 | -48 | 1.090.000 |
| 80851 | -48 | 1.316.000 |

### VIÊN ĐƠN (86 Type)

(86 Type) 1 Frame: 86 x 86 mm

|       |     |         |
|-------|-----|---------|
| 80811 | -42 | 351.000 |
| 80811 | -48 | 366.000 |

### VIÊN ĐÔI (86 Type)

(86 Type) 2 Frame: 86 x 172 mm

|       |     |         |
|-------|-----|---------|
| 80822 | -42 | 870.000 |
| 80822 | -48 | 870.000 |

### VIÊN BA / BỐN / NĂM (86 Type)

(86 Type) 3 Frame: 86x258 mm / 3 Frame: 86x344 mm / 5 frame: 86x430 mm

|       |     |           |
|-------|-----|-----------|
| 80832 | -42 | 1.222.000 |
| 80842 | -42 | 1.694.000 |
| 80852 | -42 | 2.069.000 |

### VIÊN BA / BỐN / NĂM (86 Type)

(86 Type) 3 Frame: 86x258 mm / 3 Frame: 86x344 mm / 5 frame: 86x430 mm

|       |     |           |
|-------|-----|-----------|
| 80832 | -48 | 1.222.000 |
| 80842 | -48 | 1.694.000 |
| 80852 | -48 | 2.069.000 |

## VIÊN MẶT ĐÁ Stone Frame



Basaltic Black



Zaha Stone



Karakatagin

### VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 95 x 102 mm / 2 Frame: 95 x 178 mm

|       |     |     |     |           |
|-------|-----|-----|-----|-----------|
| 80716 | -2A | -2B | -2C | 1.906.000 |
| 80726 | -2A | -2B | -2C | 2.888.000 |

### VIÊN BA

3 Frame: 95 x 254 mm

|       |     |     |     |           |
|-------|-----|-----|-----|-----------|
| 80736 | -2A | -2B | -2C | 3.985.000 |
|-------|-----|-----|-----|-----------|

## VIÊN MẶT NHỰA Basic Frame (Plastic)



White



Cream champagne



Graphite black

### VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

|       |           |         |
|-------|-----------|---------|
| 80810 |           | 79.000  |
| 80820 | (76 Type) | 113.000 |

### VIÊN ĐƠN / ĐÔI

1 Frame: 90 x 86 mm / (76 Type) 2 Frame: 90 x 162 mm

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| 80810 |  | 168.000 |
| 80820 |  | 254.000 |

### VIÊN BA / BỐN / NĂM (76 Type)

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| 80830 |  | 142.000 |
| 80840 |  | 200.000 |
| 80850 |  | 235.000 |

### VIÊN BA / BỐN / NĂM

(76 Type) 3 Frame: 90x238 mm / 4 Frame: 90x314 mm / 5 Frame: 90x390 mm

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| 80830 |  | 375.000 |
| 80840 |  | 474.000 |
| 80850 |  | 559.000 |

## VIÊN CÔNG TẮC THẺ Key Card Frame



Crystal



Water



Black



Stone



Orange



White



Silver



Gold

### VIÊN CÔNG TẮC THẺ KÍNH

80612 Frame size L: 102 x 95 mm

|       |  |  |  |  |  |  |         |
|-------|--|--|--|--|--|--|---------|
| 80612 |  |  |  |  |  |  | 760.000 |
|-------|--|--|--|--|--|--|---------|

### VIÊN CÔNG TẮC THẺ KÍNH

80613 Frame size M: 86 x 86 mm

|       |  |  |  |  |  |  |         |
|-------|--|--|--|--|--|--|---------|
| 80613 |  |  |  |  |  |  | 760.000 |
|-------|--|--|--|--|--|--|---------|

### VIÊN CÔNG TẮC THẺ NHỰA

Frame: 86 x 86 mm

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| 80813 |  | 174.000 |
|-------|--|---------|

### VIÊN CÔNG TẮC THẺ NHỰA

Frame: 86 x 86 mm

|       |  |  |         |
|-------|--|--|---------|
| 80813 |  |  | 208.000 |
|-------|--|--|---------|

### VIÊN CÔNG TẮC THẺ KIM LOẠI

Frame: 86 x 86 mm

|       |  |         |
|-------|--|---------|
| 80815 |  | 538.000 |
| 80815 |  | 596.000 |

# THIẾT BỊ KHÁC

## OTHERS

### TỦ APTOMAT Distribution Box



**SET65CS**



**SMX65CS**

|                | MÃ SẢN PHẨM         | ĐƠN GIÁ          | SỐ CỤC | SỐ HÀNG | KÍCH THƯỚC (mm) | LỖ KHOÉT (mm)  | CHẤT LIỆU                                               |
|----------------|---------------------|------------------|--------|---------|-----------------|----------------|---------------------------------------------------------|
| <b>SET65CS</b> | <b>SET65CS-4AB</b>  | <b>506.000</b>   | 4      | 1       | 150 x 198 x 100 | 140 x 195 x 90 | Mặt tủ nhựa PC chống cháy<br>Thân tủ thép sơn tĩnh điện |
|                | <b>SET65CS-6AB</b>  | <b>605.000</b>   | 6      | 1       | 186 x 198 x 100 | 175 x 195 x 90 |                                                         |
|                | <b>SET65CS-9AB</b>  | <b>693.000</b>   | 9      | 1       | 241 x 200 x 102 | 230 x 195 x 90 |                                                         |
| <b>SMX65CS</b> | <b>SMX65CS-4AB</b>  | <b>506.000</b>   | 4      | 1       | 150 x 198 x 100 | 140 x 195 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-6AB</b>  | <b>605.000</b>   | 6      | 1       | 186 x 198 x 100 | 175 x 195 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-9AB</b>  | <b>693.000</b>   | 9      | 1       | 241 x 200 x 102 | 230 x 195 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-12AB</b> | <b>1.283.000</b> | 12     | 1       | 320 x 240 x 112 | 295 x 215 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-15AB</b> | <b>1.485.000</b> | 15     | 1       | 370 x 260 x 112 | 355 x 245 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-18AB</b> | <b>1.675.000</b> | 18     | 1       | 424 x 260 x 112 | 405 x 225 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-21AB</b> | <b>1.889.000</b> | 21     | 1       | 477 x 260 x 112 | 460 x 225 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-26AB</b> | <b>2.554.000</b> | 26     | 2       | 405 x 321 x 115 | 385 x 305 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-32AB</b> | <b>2.970.000</b> | 32     | 2       | 405 x 375 x 115 | 385 x 360 x 90 |                                                         |
|                | <b>SMX65CS-42AB</b> | <b>3.623.000</b> | 42     | 2       | 465 x 404 x 115 | 450 x 385 x 90 |                                                         |

## APTOMAT - DÒNG CẮT 6000A MCB



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 1P+N  
MCB 6000A 1P+N

|              |                |
|--------------|----------------|
| SMB65C-40C10 | <b>263.000</b> |
| SMB65C-40C16 | <b>263.000</b> |

|              |                |
|--------------|----------------|
| SMB65C-40C20 | <b>263.000</b> |
| SMB65C-40C25 | <b>263.000</b> |

|              |                |
|--------------|----------------|
| SMB65C-40C32 | <b>263.000</b> |
| SMB65C-40C40 | <b>301.000</b> |



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 1P  
MCB 6000A 1P

|              |                |
|--------------|----------------|
| SMB65C-63C10 | <b>139.000</b> |
| SMB65C-63C16 | <b>139.000</b> |

|              |                |
|--------------|----------------|
| SMB65C-63C20 | <b>139.000</b> |
| SMB65C-63C25 | <b>139.000</b> |
| SMB65C-63C32 | <b>139.000</b> |

|              |                |
|--------------|----------------|
| SMB65C-63C40 | <b>179.000</b> |
| SMB65C-63C50 | <b>183.000</b> |
| SMB65C-63C63 | <b>183.000</b> |



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 2P

MCB 6000A 2P

|                |                |
|----------------|----------------|
| SMB65C-63C16/2 | <b>320.000</b> |
| SMB65C-63C20/2 | <b>320.000</b> |
| SMB65C-63C25/2 | <b>320.000</b> |

|                |                |
|----------------|----------------|
| SMB65C-63C32/2 | <b>320.000</b> |
| SMB65C-63C40/2 | <b>361.000</b> |
| SMB65C-63C50/2 | <b>446.000</b> |

|                  |                  |
|------------------|------------------|
| SMB65C-63C63/2   | <b>446.000</b>   |
| SMB65C-100C80/2  | <b>1.085.000</b> |
| SMB65C-100C100/2 | <b>1.144.000</b> |



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 3P

MCB 6000A 3P

|                |                |
|----------------|----------------|
| SMB65C-63C16/3 | <b>483.000</b> |
| SMB65C-63C20/3 | <b>483.000</b> |
| SMB65C-63C25/3 | <b>483.000</b> |

|                |                |
|----------------|----------------|
| SMB65C-63C32/3 | <b>483.000</b> |
| SMB65C-63C40/3 | <b>537.000</b> |
| SMB65C-63C50/3 | <b>629.000</b> |

|                  |                  |
|------------------|------------------|
| SMB65C-63C63/3   | <b>629.000</b>   |
| SMB65C-100C80/3  | <b>1.592.000</b> |
| SMB65C-100C100/3 | <b>1.623.000</b> |



APTOMAT DÒNG CẮT 6000A 4P

MCB 6000A 4P

|                |                |
|----------------|----------------|
| SMB65C-63C16/4 | <b>706.000</b> |
| SMB65C-63C20/4 | <b>706.000</b> |
| SMB65C-63C25/4 | <b>706.000</b> |

|                |                |
|----------------|----------------|
| SMB65C-63C32/4 | <b>706.000</b> |
| SMB65C-63C40/4 | <b>737.000</b> |
| SMB65C-63C50/4 | <b>875.000</b> |

|                  |                  |
|------------------|------------------|
| SMB65C-63C63/4   | <b>875.000</b>   |
| SMB65C-100C80/4  | <b>2.295.000</b> |
| SMB65C-100C100/4 | <b>2.409.000</b> |



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 1P+N  
RCBO 30mA 6000A 1P+N

|               |                |
|---------------|----------------|
| SMB65CL-40C10 | <b>923.000</b> |
| SMB65CL-40C16 | <b>923.000</b> |

|               |                |
|---------------|----------------|
| SMB65CL-40C20 | <b>923.000</b> |
| SMB65CL-40C25 | <b>923.000</b> |

|               |                  |
|---------------|------------------|
| SMB65CL-40C32 | <b>923.000</b>   |
| SMB65CL-40C40 | <b>1.024.000</b> |



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 2P  
RCBO 30mA 6000A 2P

|                 |                  |
|-----------------|------------------|
| SMB65CL-63C10/2 | <b>1.016.000</b> |
| SMB65CL-63C16/2 | <b>1.016.000</b> |

|                 |                  |
|-----------------|------------------|
| SMB65CL-63C20/2 | <b>1.016.000</b> |
| SMB65CL-63C25/2 | <b>1.046.000</b> |
| SMB65CL-63C32/2 | <b>1.046.000</b> |

|                 |                  |
|-----------------|------------------|
| SMB65CL-63C40/2 | <b>1.275.000</b> |
| SMB65CL-63C50/2 | <b>1.342.000</b> |
| SMB65CL-63C63/2 | <b>1.342.000</b> |



APTOMAT CHỐNG GIẬT 30mA 6000A 4P  
RCBO 30mA 6000A 4P

|                 |                  |
|-----------------|------------------|
| SMB65CL-63C63/4 | <b>2.263.000</b> |
|-----------------|------------------|



## ĐỀ ÂM Flush Mounting Boxes



**ĐỀ ÂM VUÔNG ĐƠN LOẠI 86**  
Multi Gang: All Simon family, except 76 type (i7/ V8)  
KT: 89.5 x 80.5 x 50 mm / 60 mm

**SED1A086C 28.000**



**ĐỀ ÂM VUÔNG ĐƠN LOẠI 76**  
Multi Gang: i7/ V8 (76 Type)  
KT: 78 x 80 x 50 mm / 60 mm

**SED1A076 28.000**



**ĐỀ ÂM CHỮ NHẬT**  
118 Flush Mounting Box  
KT: 99.5 x 65 x 47.5 mm / 83.5 mm

**SED1A118 28.000**



**ĐỀ SẮT CHO Ổ ÂM SÀN**  
Pop-up Floor Socket Mounting Box  
KT: 100 x 100 x 50 mm / 84 mm

**SED9A100 135.000**

## BỘ CHUÔNG CỬA VỚI 2 ÂM THANH

Doorbell With Two Kinds of Sound



**45002 542.000**

**45002 -73 -74 597.000**

## HỘP CHỐNG THẨM Waterproof Cover



**HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO CÔNG TẮC (NHỰA MỜ)**  
Switch Waterproof Cover (V8 86 type cannot fit)

**S154 105.000**



**HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO Ổ CẮM (NHỰA MỜ)**  
Socket Waterproof Cover (V8 86 type cannot fit)

**S155 102.000**



**HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO CÔNG TẮC (TRONG SUỐT)**  
Switch Waterproof Transparent Cover  
(V8 86 type cannot fit)

**S254 185.000**



**HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC VUÔNG CHO Ổ CẮM (TRONG SUỐT)**  
Socket Waterproof Transparent Cover  
(V8 86 type cannot fit)

**S255 180.000**



**- CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG BỤI HOÀN TOÀN**  
**- BẢO VỆ TRƯỚC SỰ XÂM NHẬP CỦA NƯỚC**



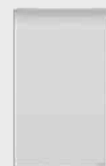
**MẶT CHE NƯỚC IP55 VUÔNG CHO Ổ CẮM**  
IP55 Socket Waterproof Cover

**S258 191.000**



**HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC CHỮ NHẬT (LOẠI NGANG)**  
Waterproof Cover (Horizontal) (No hole for plug wires)

**52154 113.000**



**HỘP CHỐNG THẨM NƯỚC CHỮ NHẬT CHO Ổ CẮM (LOẠI DỌC)**  
Waterproof Cover (Vertical) (No hole for plug wires)

**52155 113.000**

## Ổ CẮM ÂM SÀN Floor Sockets



**2 Ổ CẮM 3 CHẤU ĐA NĂNG 10A**  
Floor Socket Twin Multi-standard

SEF3770  **1.672.000**  
SEF5770  **1.672.000**



**2 Ổ CẮM 3 CHẤU THƯỜNG 16A**  
Floor Socket Twin EU-US Socket

SEF3600  **1.646.000**  
SEF5600  **1.646.000**



**BỘ Ổ ĐIỆN THOẠI + TIVI**  
Floor Socket With Telephone + Tivi

SEF34P5  **1.634.000**  
SEF54P5  **1.634.000**



**BỘ Ổ ĐIỆN THOẠI + Ổ MẠNG (CAT6)**  
Floor Socket With Telephone + Data (Cat6)

SEF34P8  **1.658.000**  
SEF54P8  **1.658.000**



**BỘ Ổ MẠNG (CAT6) + Ổ TIVI**  
Floor Socket With Data (Cat6) + Tivi

SEF38P5  **1.627.000**  
SEF58P5  **1.627.000**



**BỘ 2 Ổ ĐIỆN THOẠI + Ổ TIVI**  
Floor Socket With Dual Telephone + Tivi

SEF3445  **1.615.000**  
SEF5445  **1.615.000**



**Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ 2 CHẤU 10A/16A**  
Floor Socket With Multi-Standard + Two Pin

SEF3701  **1.610.000**  
SEF5701  **1.610.000**



**Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ MẠNG 10A**  
Floor Socket With Multi-Standard + Data

SEF3708  **1.634.000**  
SEF5708  **1.634.000**



**Ổ ĐƠN 3 CHẤU ĐA NĂNG + Ổ ĐIỆN THOẠI 10A**  
Floor Socket With Multi-Standard + Telephone

SEF3704  **1.636.000**  
SEF5704  **1.636.000**



**Ổ MẠNG + ĐIỆN THOẠI + TIVI**  
Floor Socket With Data + Tivi + Telephone

SEF3845  **1.653.000**  
SEF5845  **1.653.000**



**Ổ ĐƠN 2 CHẤU + CỔNG USB ĐÔI 16A**  
Floor Socket With Two Pin Socket + Double USB

SEF31U0  **1.681.000**  
SEF51U0  **1.681.000**



**BỘ 2 Ổ MẠNG (CAT6)**  
Floor Socket With Dual Data (Cat6)

SEF38P8  **1.653.000**  
SEF58P8  **1.653.000**



# QUẠT THÔNG GIÓ

## SEQ16-20W



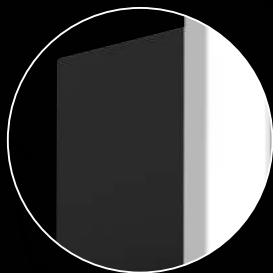
**ÁP SUẤT ĐẨY MẠNH**  
TĂNG HIỆU QUẢ HÚT  
VÀ THOÁT KHÍ



**LƯU LƯỢNG GIÓ LỚN**  
**LÀM SẠCH NHANH**  
**KHÔNG KHÍ**



**HOẠT ĐỘNG ÊM ÁI,**  
**TIẾNG ỒN <39dB**



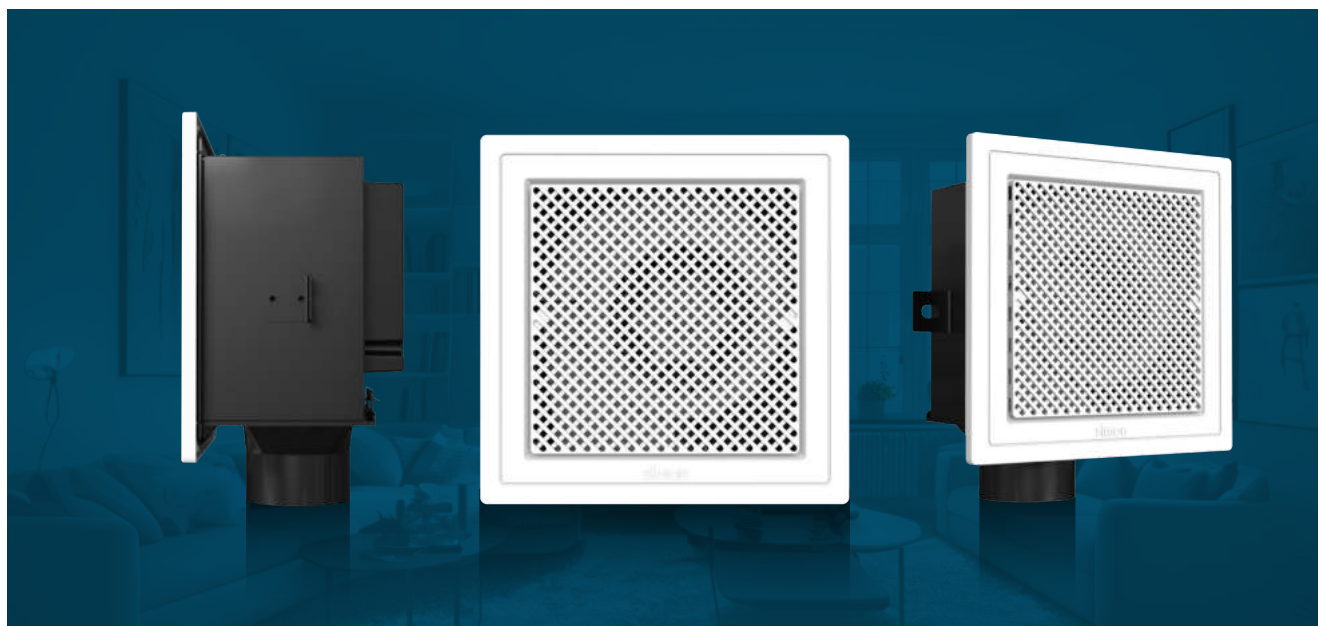
Thân thép sơn tĩnh điện,  
giúp chống hao mòn cao



Cánh quạt ly tâm, vận hành êm ái,  
tạo không gian sống yên tĩnh



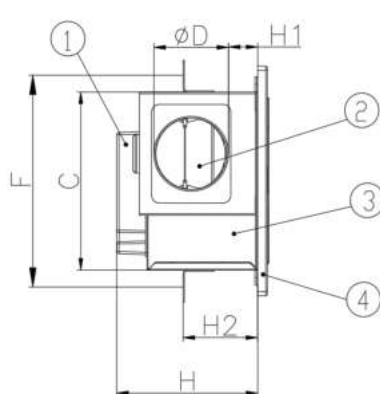
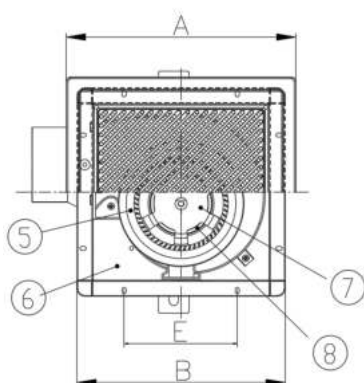
Mặt viền nhựa ABS  
bền bỉ và mạnh mẽ



## QUẠT THÔNG GIÓ ÂM TRẦN LY TÂM Centrifugal Ceiling Fan

| MÃ SẢN PHẨM | ĐƠN GIÁ (VNĐ) | ĐIỆN ÁP/<br>TẦN SỐ ĐỊNH MỨC | CÔNG SUẤT<br>(W) | HỆ SỐ<br>PF | LƯU LƯỢNG GIÓ<br>(m³/h) | TỐC ĐỘ<br>(RPM) | ÁP SUẤT ĐÁY<br>(Pa) | ĐỘ ỒN<br>(dB) |
|-------------|---------------|-----------------------------|------------------|-------------|-------------------------|-----------------|---------------------|---------------|
| SEQ16W/CF   | 3.399.000     | 220V-240V/50Hz              | 16               | 0.9         | 190                     | 820             | 105                 | 36            |
| SEQ20W/CF   | 4.004.000     | 220V-240V/50Hz              | 20               | 0.9         | 220                     | 920             | 110                 | 40            |

KÍCH THƯỚC BỀ NGOÀI LẮP ĐẶT



### CHÚ THÍCH

- Hộp đựng động cơ, dây điện
- Ống dẫn phụ
- Thân quạt
- Nắp quạt
- Ống dẫn hướng gió
- Tâm đế
- Cánh quạt
- Động cơ

KÍCH THƯỚC LẮP ĐẶT QUẠT THÔNG GIÓ ÂM TRẦN LY TÂM (mm)

| A   | B   | C   | D   | E   | F   | H   | H1 | H2 | KÍCH THƯỚC<br>LỖ KHOÉT<br>(mm) |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|----|----|--------------------------------|
| 298 | 270 | 230 | 100 | 140 | 275 | 185 | 35 | 93 | 240x240                        |



## Simon là tập đoàn công nghiệp với LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN HƠN 100 NĂM

Simon là tập đoàn công nghiệp chuyên về các giải pháp công nghệ chiếu sáng, điều khiển ánh sáng, thiết bị kết nối và thiết bị điện, được thành lập vào năm 1916, có trụ sở chính tại thành phố Barcelona, Tây Ban Nha.

Trải qua hơn 100 năm hình thành và phát triển, hiện Simon đã có mặt tại hơn 90 Quốc gia với 15 nhà máy sản xuất và trụ sở tại 16 Quốc gia trên thế giới

**CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN SIMON VIỆT NAM**

Nhà Máy: Lô CN06, KCN Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ,  
Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên



**0968 111 900**

### **VĂN PHÒNG HÀ NỘI**

ĐC: Tầng 5, Tòa nhà C Plus Office, Tổ 28, Thành Thái,  
P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

### **VĂN PHÒNG ĐÀ NẴNG**

ĐC: 40 Hoàng Văn Thái, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu,  
Thành phố Đà Nẵng

### **VĂN PHÒNG HỒ CHÍ MINH**

ĐC: Tầng 4, Tòa nhà Y12 Hồng Lĩnh, Phường 15,  
Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh